

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Bình
2. Bà Phạm Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trinh - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị G - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lương Công T - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản R, xã N, huyện B1, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/3/2023 và bản tự khai ngày 21/3/2023 của chị Lù Thị G thì chị và anh Lương Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B1, tỉnh Lào Cai vào ngày 25/9/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và cuộc sống. Mặt khác anh Lương Công T là người gia trưởng, không quan tâm đến gia đình vợ con nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng sống và ly thân từ cuối tháng 5/2021

cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lù Thị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Công T.

Đối với anh Lương Công T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh anh sinh sống tại Bản R, xã N, huyện B1 nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã niêm yết đầy đủ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hết thời hạn niêm yết anh Lương Công T không có văn bản trả lời ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và không có mặt tại Tòa án theo thông báo.

Về con chung: Chị Lù Thị G xác nhận chị và anh Lương Công T có 01 con chung là cháu Lương Quỳnh T1, sinh ngày 30/4/2021, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh Lương Công T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Lù Thị G xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặt khác Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì anh Lương Công T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lù Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu nguyện vọng của mình, còn anh Lương Công T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Lù Thị G ly hôn anh Lương Công T; Về con chung: Xử giao cháu Lương Quỳnh T1, sinh ngày 30/4/2021 cho chị Lù Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Lương Công T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về án phí: chị Lù Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 15/3/2023, chị Lù Thị G khởi kiện yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Lương Công T

nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Hiện anh Lương Công T đang cư trú tại Bản R, xã N, huyện B1, tỉnh Lào Cai nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho bị đơn. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 31/5/2023, anh Lương Công T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục niêm yết văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến phiên tòa ngày hôm nay. Tuy nhiên anh Lương Công T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị G và anh Lương Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B1, tỉnh Lào Cai vào ngày 25/9/2020, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và cuộc sống. Mặt khác anh Lương Công T là người gia trưởng, không quan tâm đến gia đình vợ con nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng sống và ly thân từ cuối tháng 5/2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lò Thị G đối với anh Lương Công T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị Lò Thị G xác nhận chị và anh Lương Công T có 01 con chung là cháu Lương Quỳnh T1, sinh ngày 30/4/2021, hiện cháu đang ở cùng với chị.

Căn cứ vào điều kiện thu nhập của chị Lò Thị G, mặt khác xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo sự ổn định về tâm lý, cũng như sinh hoạt của cháu nên Hội đồng xét xử cần giao cháu cho chị Lò Thị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Lương Công T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Lò Thị G xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lò Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị G ly hôn với anh Lương Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Quỳnh T1, sinh ngày 30/4/2021 cho chị Lù Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lương Công T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lương Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lù Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001621 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Chị Lù Thị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- THADS huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã N, huyện B1; tỉnh Lào Cai;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam

